Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8906.90.10

Mã HS	8906.90.10
Mô tả hàng hóa	Tàu thuyền khác, kể cả tàu chiến và xuồng cứu sinh trừ thuyền dùng mái chèo / - Loại khác: / - - Có lượng giãn nước không quá 30 tấn
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 19:35:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/89069010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17872
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17872
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17872
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17197
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17126
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17126
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17126
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17126
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17126
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17126
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17182
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17182

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17182
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17182
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17182
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17182
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17183
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17183
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17183
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17183
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17183
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17183
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17188
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17144
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17140
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17140
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17140
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17140
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17140
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17140
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17186
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17186
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17186
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17186
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17186
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17186
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17248
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17248

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17248
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17248
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17248
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17248
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17224
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17224
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17224
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17224
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17224
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17224
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17219
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17219
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17219
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17219
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17219
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17219
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D17249
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E17249
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F17249
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17249
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17249
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17249
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D17248
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E17248
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F17248
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17248

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17248
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17248
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17342
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17342
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17342
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17342
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17342
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17342
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17342
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17211
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17211
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17211
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17211
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17211
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17211
RCEP B	2022	2022	0	B!D17211
RCEP B	2023	2023	0	B!E17211
RCEP B	2024	2024	0	B!F17211
RCEP B	2025	2025	0	B!G17211
RCEP B	2026	2026	0	B!H17211
RCEP B	2027	2027	0	B!I17211
RCEP C	2022	2022	0	C!D17209
RCEP C	2023	2023	0	C!E17209
RCEP C	2024	2024	0	C!F17209
RCEP C	2025	2025	0	C!G17209
RCEP C	2026	2026	0	C!H17209

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17209
RCEP D	2022	2022	0	D!D17208
RCEP D	2023	2023	0	D!E17208
RCEP D	2024	2024	0	D!F17208
RCEP D	2025	2025	0	D!G17208
RCEP D	2026	2026	0	D!H17208
RCEP D	2027	2027	0	D!I17208
RCEP E	2022	2022	0	E!D17212
RCEP E	2023	2023	0	E!E17212
RCEP E	2024	2024	0	E!F17212
RCEP E	2025	2025	0	E!G17212
RCEP E	2026	2026	0	E!H17212
RCEP E	2027	2027	0	E!I17212
RCEP F	2022	2022	0	F!D17211
RCEP F	2023	2023	0	F!E17211
RCEP F	2024	2024	0	F!F17211
RCEP F	2025	2025	0	F!G17211
RCEP F	2026	2026	0	F!H17211
RCEP F	2027	2027	0	F!I17211
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F16142
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16142
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16142
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16142

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8906.90 có 3 dòng thuế; dòng 8906.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Có lượng giãn nước không quá 30 tấn.	8906.90.20 Có lượng giãn nước trên 30 tấn nhưng không quá 300 tấn; 8906.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8906.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8906.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17872), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.